TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
**CHI NHÁNH LONG THÀNH**

Số: 3102 /TTPTQĐ.CNLT-TBT.N1

V/v Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (GĐ 1),tại phường Long Thành (đợt 9).

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Long Thành, ngày 18 tháng 11 năm 2026*

Kính gửi: UBND Phường Long Thành.

Căn cứ điểm 1, khoản 3, Điều 87 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự thực hiện công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Ngày 18/11/2026, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập Phương án dự kiến về dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1) tại phường Long Thành và xã Long Phước, thành phố Đồng Nai, đoạn qua địa bàn phường Long Thành (đợt 9).

*(Đính kèm Phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ).*

Nay, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành đề nghị UBND Phường Long Thành niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND Phường Long Thành, địa điểm sinh hoạt chung của dân cư đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND Phường Long Thành trong thời hạn 10 ngày theo quy định tại điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025.

Đề nghị UBND Phường Long Thành quan tâm, sớm hỗ trợ thực hiện nội dung trên theo quy định./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- BGĐ.TTPTQĐCNLT;
- Tổ BT (đ/c Nhật; An, Vinh, Hưng);
- Lưu: VT N1.

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

CHI NHÁNH LONG THÀNH

**Mai Ngọc Thắng**

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
**CHI NHÁNH LONG THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Long Thành, ngày 18 tháng 11 năm 2026.*

# PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN

**Về bồi thường, hỗ trợ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1) tại phường Long Thành và xã Long Phước, thành phố Đồng Nai, đoạn qua địa bàn phường Long Thành (đợt 9).**

*Căn cứ Luật đất đai 2024 ngày 18/01/2024;*

*Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn Nghị quyết 254/2025/QH15 tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Văn bản số 90/VBHN-BNNMT ngày 30/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hợp nhất Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai Quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND Thành phố Đồng Nai Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn Thành phố Đồng Nai;*

*Căn cứ Văn bản hợp nhất số 02/2026/VBHN-QĐ-UBND ngày 14/10/2026 của UBND thành phố Đồng Nai Quyết định ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Văn bản hợp nhất số 04/2026/VBHN-QĐ-UBND ngày 28/10/2026 của UBND thành phố Đồng Nai Quyết định ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc uỷ quyền cho Uỷ ban Nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND Thành phố Đồng Nai ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn Thành phố Đồng Nai năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1);*

*Căn cứ Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1);*

*Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1);*

*Căn cứ Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc dự án tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1) tại phường Long Thành và xã Long Phước, thành phố Đồng Nai.*

*Căn cứ các Thông báo thu hồi đất ngày 22/8/2026 của UBND xã Phước Thái về việc thu hồi đất để thực hiện dự án tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1) tại phường Long Thành và xã Long Phước, thành phố Đồng Nai.*

Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập phương án bồi thường, hỗ trợ dự kiến dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1) tại phường Long Thành và xã Long Phước, thành phố Đồng Nai, đoạn qua địa bàn phường Long Thành (đợt 9), cụ thể như sau:

**I/. Về trách nhiệm trong việc xác nhận hồ sơ, thẩm tra, lập phương án bồi thường trình thẩm định, phê duyệt:**

Căn cứ khoản 5, Điều 224 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội quy định *"Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính về đất đai chịu trách nhiệm thực hiện đúng thẩm quyền và thời gian theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, người có thẩm quyền khác chấp thuận, thẩm định, phê duyệt hoặc giải quyết trước đó"*;

Theo quy định tại khoản 4, Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024: *"Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó"*.

Về trách nhiệm: Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Long Thành không chịu trách nhiệm về những sai sót đối với việc cấp giấy CNQSD đất không đúng quy định, việc xác định thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc. Các sai sót trong việc cấp giấy CNQSD đất trước đây không đúng quy định, việc xác định thời điểm xây

dựng nhà, vật kiến trúc do các Tổ chức, cá nhân đã thực hiện phải chịu trách nhiệm;

Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Long Thành căn cứ vào hồ sơ bồi thường đã được các cơ quan đơn vị xác nhận, thẩm tra, chấp thuận để áp giá, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chỉ chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý trong công tác áp giá số lượng, số liệu để lập phương án bồi thường, hỗ trợ trình thẩm định, phê duyệt; không chịu trách nhiệm về các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền chấp thuận, xác nhận, thẩm tra, thẩm định theo chức năng nhiệm vụ.

**II/. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gồm:**

**1. Tổng diện tích đất thu hồi: 61 trường hợp/85 thửa/ 68.182,9m$^2$**. Trong đó:

- Đất ở đô thị (ODT): **240,0 m$^2$**.

- Đất nông nghiệp (CLN, HNK, LUC, LUK…): **67.942,9 m$^2$**.

**1.1. Bồi thường đất:**

Căn cứ Điều 95, 96, 101 Luật Đất đai 2024.

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai; Văn bản số 1201/SNNMT-ĐĐ ngày 20/5/2026; Văn bản số 2023/SNNMT-ĐĐ ngày 29/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Về loại đất, diện tích, quá trình sử dụng đất để bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ vào nội dung xác nhận của UBND phường Long Thành trong giấy xác nhận nguồn gốc đất (mẫu 2), UBND phường Long Thành chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận này.

Về vị trí đất, thông tin thửa đất thu hồi: Căn cứ Danh sách xác định vị trí các thửa đất và các Phiếu cung cấp thông tin của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành.

**1.2. Bồi thường, hỗ trợ nhà, nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác trên đất:**

Căn cứ nội dung xác nhận của UBND phường Long Thành về nguồn gốc thời điểm xây dựng nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác, xác nhận không bị lập biên bản về vi phạm trong quá trình xây dựng *(theo quy định tại Điều 19, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh)*. UBND phường Long Thành chịu trách nhiệm về thời điểm xây dựng đối với nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác.

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Căn cứ Văn bản hợp nhất số 04/2026/VBHN-QĐ-UBND ngày 28/10/2026 của UBND thành phố Đồng Nai Quyết định ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**1.3. Bồi thường, hỗ trợ cây trồng:**

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Căn cứ Văn bản hợp nhất số 02/2026/VBHN-QĐ-UBND ngày 14/10/2026 của UBND thành phố Đồng Nai Quyết định ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;.

Số tiền bồi thường thiệt hại về cây trồng được tính bằng số lượng cây trồng thực tế theo kết quả kiểm đếm nhân với đơn giá bồi thường tương ứng tại các phụ lục kèm theo các Quyết định này.

**1.4. Các chính sách hỗ trợ:**

Đối với khoản hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện theo quy định tại Điều 10, 13 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Các trường hợp có đất thu hồi có hộ khẩu thường trú tại địa phương, UBND phường Long Thành và Công an phường Long Thành xác nhận các trường hợp đủ điều kiện *(theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ*), Trung tâm Phát triển Quỹ đất tính toán áp giá chính sách hỗ trợ cho các hộ dân theo quy định

- Các trường hợp hộ dân có đất thu hồi là có hộ khẩu thường trú ngoài địa phương, Trung tâm Phát triển Quỹ đất đã có văn bản gửi đến Công an phường, xã nơi hộ dân cư trú để xác nhận nhân khẩu và nghề nghiệp sau khi có ý kiến của cơ quan chức năng nơi các hộ dân cư trú, Trung tâm Phát triển Quỹ đất sẽ áp bổ sung chính sách hỗ trợ (nếu xác nhận đủ điều kiện).

**1.5. Thưởng di dời:**

Thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời gian quy định: Căn cứ Điều 15, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**2. Tổng số trường hợp có đất thu hồi:**

Tổng số trường hợp: **61 trường hợp**, trong đó:

Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ: **27.340.048.043 đồng.**

*(Bằng chữ: Hai mươi bảy tỷ, ba trăm bốn mươi triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn, không trăm bốn mươi ba đồng).*

*Trong đó:*

- Giá trị Bồi thường, hỗ trợ đất: 22.090.870.367 đồng.
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc: 3.091.462.308 đồng.
- Giá trị Bồi thường, hỗ trợ cây trồng: 509.172.681 đồng.
- Giá trị về các chính sách hỗ trợ: 0 đồng

- Thưởng di dời: 724.000.000 đồng.

- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường (3,5%): 924.542.687 đồng.

*(Đính kèm Bảng tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ).*

Phương án dự kiến nêu trên sử dụng vào mục đích lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân và niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, không có giá trị bồi thường cho các hộ dân; Sau khi hết thời gian niêm yết UBND phường Long Thành thẩm định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai chi nhánh Long Thành sẽ thông báo chi trả tiền cho các hộ theo quy định.

Trên đây là phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ thuộc dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1), tại phường Long Thành và xã Long Phước, thành phố Đồng Nai, đoạn qua địa bàn phường Long Thành (đợt 9)./.

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Thuộc dự án: Tiêu Thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1), qua Phường Long Thành (đợt 9)

| STT | Họ và tên | Địa chỉ thường trú | Diện tích đất bồi thường (m²) | | | | | | | Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất | Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc | Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng | Giá trị về các chính sách hỗ trợ | Thưởng di dời | Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng | Tổng | Đất ở tại đô thị | Tổng | Đất trồng cây lâu năm | Đất trồng lúa | Đất trồng cây hàng năm khác | Đất không đủ điều kiện | | | | | |
| 1 | Bùi Thu Dung (Vắng chủ) | Phường Tân Bình, TP.Tam Hiệp, tỉnh Ninh Bình | 844,9 | - | - | **844,9** | - | - | 844,9 | - | 297.085.860 | 1.496.000 | 20.295.624 | - | 16.000.000 | **334.877.484** |
| 2 | Phạm Thị Kim Anh | K.Phố Bình Sơn 1, P.Long Thành, TP.Đồng Nai | 672 | - | - | **672** | 672 | - | - | - | 179.289.600 | 95.130.496 | 26.707.371 | - | 16.000.000 | **317.127.467** |
| 3 | Đỗ Bích Thủy | 277-277B Lê Thánh Tôn, P.Bến Thành, TP.HCM | 3689,9 | - | - | **3689,9** | 3689,9 | - | - | - | 1.171.727.745 | - | 30.123.000 | - | 20.000.000 | **1.221.850.745** |
| 4 | Bùi Văn Bằng - Huỳnh Thị Bích Liên (Vắng chủ) | 79/1B, đường Nguyễn Kiệm, P.Hạnh Thông, TP.HCM | 411 | - | - | **411** | 411 | - | - | - | 319.429.200 | - | 5.351.145 | - | 16.000.000 | **340.780.345** |
| 5 | Phạm Thị Kim Liên (Vắng chủ) | Số 30 Trần Ngọc Diện, K.Phố 1, P.An Khánh, TP.HCM | 388,5 | - | - | **388,5** | 388,5 | - | - | - | 226.456.650 | - | 1.224.626 | - | 16.000.000 | **243.681.276** |
| 6 | Bùi Duy Tân - Nguyễn Thị Huệ | K.Phố Bình Sơn 2, P.Long Thành, TP.Đồng Nai | 388,9 | - | - | **388,9** | 388,9 | - | - | - | 123.495.195 | 332.625.348 | - | - | 16.000.000 | **472.120.543** |
| 7 | Hà Tấn Giang | K.Phố Bình Sơn 2, P.Long Thành, TP.Đồng Nai | 507,6 | - | - | **507,6** | 507,6 | - | - | - | 161.188.380 | 365.203.872 | 424.400 | - | 20.000.000 | **546.816.652** |
| 8 | Nguyễn Thị Tuyết Vui | K.Phố Bình Sơn 2, P.Long Thành, TP.Đồng Nai | 697,9 | 100 | 100 | **597,9** | 597,9 | - | - | - | 281.163.145 | 509.733.314 | 48.101.094 | - | 20.000.000 | **858.997.553** |
| 9 | Dương Văn Rớt | K.Phố Bình Sơn 2, P.Long Thành, TP.Đồng Nai | 423,1 | 140 | 140 | **283,1** | 283,1 | - | - | - | 357.233.650 | 607.284.842 | 12.884.960 | - | 20.000.000 | **997.403.452** |
| 10 | Nguyễn Thị Thu Hằng (Vắng chủ) | 59 Nguyễn Cừ, P.Thảo Điền, TP.HCM | 231,9 | - | - | **231,9** | 231,9 | - | - | - | 180.232.680 | - | - | - | 12.000.000 | **192.232.680** |
| 11 | Nguyễn Minh Phú (Vắng chủ) | Căn hộ C-D2-3-8 lô CH2-2 K.Phố Garden Palat 1, P.Tân Phong, TP.HCM | 2549,1 | - | - | **2549,1** | 2549,1 | - | - | - | 81.959.655 | - | 1.166.000 | - | 8.000.000 | **91.125.655** |
| 12 | Phạm Đức Thư (Vắng chủ) | 418 Phù Thượng Đoạn, tổ dân phố Phương Lưu 1, P.Đồng Hải, TP.Hải Phòng | 251 | - | - | **251** | 251 | - | - | - | 79.705.050 | - | - | - | 8.000.000 | **87.705.050** |
| 13 | Trần Trung Hà | 64/7 Cửu Long, Tân Sơn Hòa, TP.HCM | 251 | - | - | **251** | 251 | - | - | - | 72.790.000 | - | 2.692.200 | - | 8.000.000 | **83.482.200** |
| 14 | Nguyễn Văn Toàn (Vắng chủ) | 35 đường 51, K.Phố 3, P.Bình Trưng, TP.HCM | 8.492 | - | - | **8.492** | 8.492 | - | - | - | 2.585.814.000 | - | 26.122.032 | - | 20.000.000 | **2.631.936.032** |
| 15 | Nguyễn Thị Lan Hương (Vắng chủ) | Ấp 2, xã Phước Thái, TP.Đồng Nai | 1954,2 | - | - | **1954,2** | - | 45,7 | 1908,5 | - | 595.053.900 | - | 20.766.097 | - | 20.000.000 | **635.819.997** |
| 16 | Nguyễn Hiếu Nghĩa, Nguyễn Châu Trinh | K.Phố Phước Lai, P.Nhơn Trạch, TP.Đồng Nai | 5136,3 | - | - | **5136,3** | - | 5136,3 | - | - | 1.407.603.015 | - | 64.262.133 | - | 20.000.000 | **1.491.865.148** |
| 17 | Đặng Phương Bình (Vắng chủ) | K.Phố Phước Thuận, P.Long Thành, TP.Đồng Nai | 422,4 | - | - | **422,4** | - | 422,4 | - | - | 134.133.120 | - | - | - | 12.000.000 | **146.133.120** |
| 18 | Đặng Thanh Tuyền (Vắng chủ) | K.Phố Hiệp Phước, P.Nhơn Trạch, TP.Đồng Nai | 81,7 | - | - | **81,7** | - | 81,7 | - | - | 25.943.835 | - | 208.335 | - | 4.000.000 | **30.152.170** |
| 19 | Nguyễn Văn Tâm (Vắng chủ) | K.Phố Hiệp Phước, P.Nhơn Trạch, TP.Đồng Nai | 1895,1 | - | - | **1895,1** | - | 1895,1 | - | - | 601.789.005 | - | 4.832.505 | - | 20.000.000 | **626.621.510** |
| 20 | Văn Đình Sơn (Vắng chủ) | 2/B2 Trần Não, K.Phố 19, P.An Khánh, TP.HCM | 897,8 | - | - | **897,8** | - | 897,8 | - | - | 285.096.390 | - | 2.289.390 | - | 16.000.000 | **303.385.780** |

| STT | Họ và tên | Địa chỉ thường trú | Diện tích đất bồi thường (m²) | | | | | | | | Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất | Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc | Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng | Giá trị về các chính sách hỗ trợ | Thưởng di dời | Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng | Tổng | Đất ở tại đô thị | Tổng | Đất trồng cây lâu năm | Đất trồng lúa | Đất trồng cây hàng năm khác | Đất không đủ điều kiện | | | | | | |
| 21 | Nguyễn Thị Đúng (Vắng chủ) | Ấp Phước Long, xã Phước An, TP.Đồng Nai | 887,3 | - | - | **887,3** | - | 887,3 | - | - | 281.762.115 | - | 2.262.615 | - | 16.000.000 | **300.024.730** |
| 22 | Nguyễn Ngọc Đan - Vũ Thị Đức (Vắng chủ) | 23 đường 31E, K.Phố 5, P.An Lạc, TP.HCM | 54,2 | - | - | **54,2** | - | 54,2 | - | - | 16.268.130 | - | - | - | 2.000.000 | **18.268.130** |
| 23 | Vũ Phi Long (TSTĐ Triệu Thị Thắm) | K.Phố Bình Sơn 1, P.Long Thành, TP.Đồng Nai | | - | - | - | - | - | - | - | - | 288.294.352 | - | - | - | **288.294.352** |
| 24 | Lê Thị Kim Liên (TSTĐ Triệu Thị Thắm) | 37/209D Quang Trung, P.Gò Vấp, TP.HCM | | - | - | - | - | - | - | - | - | 146.434.200 | 233.200 | - | - | **146.667.400** |
| 25 | Hà Thị Thu Thủy (TSTĐ Hà Văn Tỉnh) | K.Phố Bình Sơn 2, P.Long Thành, TP.Đồng Nai | | - | - | - | - | - | - | - | - | 155.753.692 | - | - | - | **155.753.692** |
| 26 | Phạm Thị Phương (TSTĐ Bùi Thị Kim Liên, Nguyễn Thị Mỹ Linh, Bùi Văn Tùng, Thiệu Tấn Phát, Trịnh Liêu, Trịnh Thị Thùy Linh, Bùi Duy Tân, Bùi Thị Bích Ngọc, Nguyễn Trần Minh Nhật, Bùi Thanh Minh, Bùi Thị Bích Đào, Bùi Minh Tuấn, Nguyễn Thị Tuyết Vân, Nguyễn Thanh Việt, Hà Văn Tỉnh, Trần Thị Minh, Trần Đại Tướng, Lê Na, Bùi Thị Huy Hoàng (ĐSD) | KP Bình Sơn 1, KP Bình Sơn 2; P Long Thành, TP Đồng Nai | | - | - | - | - | - | - | - | - | 586.399.312 | - | - | - | **586.399.312** |
| 27 | Nguyễn Tuyết Mai; Nguyễn Hoàng Trúc | 289 Nguyễn Thái Sơn, P.Cầu Ông Lãnh, TP.HCM | 488,9 | - | - | **488,9** | 488,9 | - | - | - | 163.048.150 | - | 5.447.363 | - | 12.000.000 | **180.495.513** |
| 28 | Nguyễn Nhật Trung Hiếu (Vắng chủ) | K.Phố 3, P.Tăng Nhơn Phú, TP.HCM | 116,6 | - | - | **116,6** | 116,6 | - | - | - | 37.026.330 | - | 572.000 | - | 4.000.000 | **41.598.330** |
| 29 | Dương Đình Khang (Vắng chủ) | 471 Nguyễn Văn Cừ, P.Long Biên, TP.Hà Nội | 640,2 | - | - | **640,2** | 640,2 | - | - | - | 371.316.000 | - | 1.162.303 | - | 16.000.000 | **388.478.303** |
| 30 | Nguyễn Thị Hiếu (Vắng chủ) | 20B Lô H3 chung cư Hoàng Diệu, P.Vĩnh Hội, TP.HCM | 292,6 | - | - | **292,6** | 292,6 | - | - | - | 227.408.720 | - | 140.000 | - | 16.000.000 | **243.548.720** |
| 31 | Nguyễn Thị Minh (Vắng chủ) | 86 Quốc Lộ 1A, P.Tân Phú, TP.HCM | 119,6 | - | - | **119,6** | 119,6 | - | - | - | 46.823.400 | - | 754.000 | - | 4.000.000 | **51.577.400** |
| 32 | Trần Thị Thành (Vắng chủ) | P.Trung Dũng, TP.Đồng Nai | 446,9 | - | - | **446,9** | 446,9 | - | - | - | 184.274.120 | 4.602.880 | 47.316.960 | - | 16.000.000 | **252.193.960** |
| 33 | Trương Quang Khánh (Vắng chủ) | K.Phố Bình Sơn 1, P.Long Thành, TP.Đồng Nai | 305,9 | - | - | **305,9** | 305,9 | - | - | - | 95.267.610 | - | 652.988 | - | 8.000.000 | **103.920.598** |
| 34 | Nguyễn Huy Trường (Vắng chủ) | Xóm 2, xã Phù Đổng, TP.Hà Nội | 505,3 | - | - | **505,3** | - | - | 505,3 | - | 392.719.160 | - | 2.723.040 | - | 16.000.000 | **411.442.200** |
| 35 | Nguyễn Văn Lương (Vắng chủ) | 027 Lô Y, chung cư Ngô Gia Tự, P.Vườn Lài, TP.HCM | 225,3 | - | - | **225,3** | 225,3 | - | - | - | 71.544.015 | - | 1.000.459 | - | 8.000.000 | **80.544.474** |
| 36 | Trần Hoài Bắc (Vắng chủ) | 145/45 K.Phố 9, P.Tân Chánh Hiệp, TP.HCM | 225,3 | - | - | **225,3** | 225,3 | - | - | - | 71.544.015 | - | 1.323.024 | - | 8.000.000 | **80.867.039** |
| 37 | Huỳnh Tuyết Nhi (Vắng chủ) | Xã Hồ Tràm, TP.HCM | 1027,4 | - | - | **1027,4** | 1027,4 | - | - | - | 573.562.000 | - | 6.586.049 | - | 20.000.000 | **600.148.049** |

| STT | Họ và tên | Địa chỉ thường trú | Diện tích đất bồi thường (m²) | | | | | | | | Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất | Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc | Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng | Giá trị về các chính sách hỗ trợ | Thưởng di dời | Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng | Tổng | Đất ở tại đô thị | Tổng | Đất trồng cây lâu năm | Đất trồng lúa | Đất trồng cây hàng năm khác | Đất không đủ điều kiện | | | | | | |
| 38 | Nguyễn Bạch Huy Phương (Vắng chủ) | 79 đường Lò Rèn, P.Phước Hậu, tỉnh Vĩnh Long | 152,1 | - | - | **152,1** | 152,1 | - | - | - | 48.299.355 | - | 1.459.264 | - | 4.000.000 | **53.758.619** |
| 39 | Ngô Hoàng Danh (Vắng chủ) | B2 khu 10ha, P.Đông Hưng Thuận, TP.HCM | 134,9 | - | - | **134,9** | 134,9 | - | - | - | 42.837.495 | - | 551.075 | - | 4.000.000 | **47.388.570** |
| 40 | Trần Thị Hằng (Vắng chủ) | Xã An Phước, TP.Đồng Nai | 196,6 | - | - | **196,6** | 196,6 | - | - | - | 57.299.070 | - | 120.384 | - | 8.000.000 | **65.419.454** |
| 41 | Phạm Hồng Hải - Phan Thị Thân (Vắng chủ) | Ấp Ông Trịnh, P.Phú Mỹ, TP.HCM | 2665,9 | - | - | **2665,9** | 2665,9 | - | - | - | 1.430.255.350 | - | 8.282.592 | - | 20.000.000 | **1.458.537.942** |
| 42 | Huỳnh Thị Nga (Vắng chủ) | K.Phố An Lâm, P.Long Thành, TP.Đồng Nai | 2,1 | - | - | **2,1** | - | 2,1 | - | - | 639.450 | - | - | - | 2.000.000 | **2.639.450** |
| 43 | Nguyễn Anh Tuấn (Vắng chủ) | Khối Trung Yên, P.Trường Vinh, tỉnh Nghệ An | 721,5 | - | - | **721,5** | 721,5 | - | - | - | 209.235.000 | - | - | - | 16.000.000 | **225.235.000** |
| 44 | Nguyễn Hùng Dũng (Vắng chủ) | A82 K.Phố 5, P.Trấn Biên, TP.Đồng Nai | 1.325 | - | - | **1.325** | - | - | 1.325 | - | 384.250.000 | - | - | - | 16.000.000 | **400.250.000** |
| 45 | Đỗ Thị Thanh Bình (Vắng chủ) | K.Phố Long An, P.Long Thành, TP.Đồng Nai | 743 | - | - | **743** | 63,7 | - | 679,3 | - | 215.470.000 | - | 861.504 | - | 16.000.000 | **232.331.504** |
| 46 | Nguyễn Thị Thanh Nga (Vắng chủ) | 21 Đỗ Bí, P.Phú Thạnh, TP.HCM | 753 | - | - | **753** | 753 | - | - | - | 229.288.500 | - | 630.000 | - | 16.000.000 | **245.918.500** |
| 47 | Vũ Thị Lưu (Vắng chủ); Nguyễn Tất Danh (Vắng chủ) | K.Phố Phước Thiền, P.Nhơn Trạch, TP.Đồng Nai | 116,5 | - | - | **116,5** | 116,5 | - | - | - | 37.373.750 | - | 369.216 | - | 4.000.000 | **41.742.966** |
| 48 | Hoàng Tiến Dũng (Vắng chủ) | 515 M11, Láng Trung, P.Láng Hạ, TP.Hà Nội | 1049,6 | - | - | **1049,6** | 1049,6 | - | - | - | 304.384.000 | - | 2.569.128 | - | 16.000.000 | **322.953.128** |
| 49 | Đoàn Việt Thanh (Vắng chủ) | Lý Tự Trọng, P.Bến Thành, TP.HCM | 2697,8 | - | - | **2697,8** | 2697,8 | - | - | - | 821.480.100 | - | 8.291.976 | - | 20.000.000 | **849.772.076** |
| 50 | Lý Đình Ngà (Vắng chủ) | K.Phố Cầu Xéo, P.Long Thành, TP.Đồng Nai | 381,3 | - | - | **381,3** | 381,3 | - | - | - | 116.105.850 | - | - | - | 12.000.000 | **128.105.850** |
| 51 | Đào Thị Sao (Vắng chủ) | K.Phố Cầu Xéo, P.Long Thành, TP.Đồng Nai | 28,8 | - | - | **28,8** | - | - | 28,8 | - | 8.352.000 | - | 92.304 | - | 2.000.000 | **10.444.304** |
| 52 | Trần Văn Thỏa (Vắng chủ) | Xã Phước Thái, TP.Đồng Nai | 5.872 | - | - | **5.872** | - | - | 5.872 | - | 1.788.024.000 | - | 131.174.736 | - | 20.000.000 | **1.939.198.736** |
| 53 | Trần Vĩnh Hải (Vắng chủ) | Ấp 5, xã Nam Cát Tiên, TP.Đồng Nai | 195,9 | - | - | **195,9** | 195,9 | - | - | - | 59.651.550 | - | 837.634 | - | 8.000.000 | **68.489.184** |
| 54 | Đinh Công Nhựt (Vắng chủ) | K.phố Mỹ Khoan, P.Nhơn Trạch, TP.Đồng Nai | 1119,3 | - | - | **1119,3** | 1119,3 | - | - | - | 340.826.850 | - | 4.915.589 | - | 16.000.000 | **361.742.439** |
| 55 | Nguyễn Thanh Thảo (Vắng chủ) | Tổ dân phố 6, xã Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh | 160,2 | - | - | **160,2** | 160,2 | - | - | - | 48.780.900 | - | 617.204 | - | 4.000.000 | **53.398.104** |
| 56 | Nguyễn Văn Xinh (Vắng chủ) | Ấp Phước Long, xã Phước An, TP.Đồng Nai | 128,7 | - | - | **128,7** | - | 128,7 | - | - | 40.868.685 | - | 344.306 | - | 4.000.000 | **45.212.991** |
| 57 | Phạm Đông Ninh (Vắng chủ) | Ấp An Thạnh, xã Phước An, TP.Đồng Nai | 11830,9 | - | - | **11830,9** | - | 11830,9 | - | - | 3.756.902.295 | - | 25.255.710 | - | 20.000.000 | **3.802.158.005** |
| 58 | Đặng Văn Thành - Hoàng Thị Nhu (Vắng chủ) | Phường Bà Rịa, TP.HCM | 29 | - | - | **29** | - | 29 | - | - | 8.704.350 | - | - | - | 2.000.000 | **10.704.350** |
| 59 | Phan Văn Ơn - Phạm Thị Tuyết Mai (Vắng chủ) | K.Phố Hiệp Phước, P.Nhơn Trạch, TP.Đồng Nai | 292,6 | - | - | **292,6** | - | 292,6 | - | - | 83.623.617 | - | 206.550 | - | 8.000.000 | **91.830.167** |
| 60 | Nguyễn Văn Lợi (Vắng chủ) | K.Phố Hiệp Phước, P.Nhơn Trạch, TP.Đồng Nai | 1038,7 | - | - | **1038,7** | - | 1038,7 | - | - | 329.839.185 | - | 2.648.685 | - | 16.000.000 | **348.487.870** |
| 61 | Nguyễn Văn Xứng (Vắng chủ) | Ấp Phước Long, xã Phước An, TP.Đồng Nai | 1025,7 | - | - | **1025,7** | - | 1025,7 | - | - | 325.711.035 | - | 2.615.535 | - | 16.000.000 | **344.326.570** |
| **Tổng** | | | **68.182,9** | **240,0** | **240,0** | **67.942,9** | **33.010,9** | **23.768,2** | **11.163,8** | **-** | **22.090.870.367** | **3.091.462.308** | **509.172.681** | **0** | **724.000.000** | **26.734.382.840** |
| **1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:** | | | | | | | | | | | | | | | | **26.415.505.356** |
| **2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%:** | | | | | | | | | | | | | | | | **924.542.687** |
| **3.Tổng cộng (1+2):** | | | | | | | | | | | | | | | | **27.340.048.043** |